

Hiệu quả dạy và học trực tuyến một số môn học đặc thù ở bậc đại học

Nguyễn Thu Hiền

Trường Đại học Hà Tĩnh

TÓM TẮT

Chuyển đổi số giáo dục đại học gồm có hai nội dung chính: Chuyển đổi số trong công tác quản trị cơ sở giáo dục đại học và chuyển đổi số trong đào tạo. Chuyển đổi số trong đào tạo, xét về thực chất là quá trình chuyển đổi các hoạt động đào tạo từ trực tiếp sang trực tuyến. Để chuyển đổi số trong đào tạo đại học thành công, cần có nhiều yếu tố, yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học phải vượt qua, từ cơ sở hạ tầng kỹ thuật đến yếu tố nhân lực. Ngoài ra, từ cách tiếp cận chuyên môn, chuyển đổi số trong đào tạo đại học còn gặp phải không ít khó khăn cần giải quyết, đó là một số môn học rất khó thực hiện, hoặc không hiệu quả/đảm bảo chất lượng khi dạy - học trực tuyến. Bằng việc sử dụng các kết quả nghiên cứu định tính và định lượng, bài viết này bàn về vấn đề hiệu quả dạy và học trực tuyến đối với một số môn học đặc thù ở đại học.

Từ khóa: Chuyển đổi số đào tạo đại học, dạy - học trực tuyến, môn học, đặc thù

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, diễn ra rất nhanh, đặc biệt trong bối cảnh của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 hiện nay. Chuyển đổi số trong giáo dục nói chung được xem là nhiệm vụ trọng tâm và ưu tiên hàng đầu của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Giáo dục là lĩnh vực được ưu tiên chuyển đổi số thứ 2 sau lĩnh vực Y tế. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của giáo dục và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đóng vai trò hết sức quan trọng, không chỉ đối với ngành mà còn tác động rất lớn đối với đất nước. Giáo dục sẽ là một trong những ngành có sự chuyển đổi gần như toàn bộ phương thức hoạt động, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, áp dụng khoa học kỹ thuật vào giảng dạy dần thay thế hoạt động giảng dạy truyền thống... nhằm thích ứng, việc dạy và học buộc phải có sự chuyển đổi phù hợp tùy theo tình hình giảng dạy, cơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật của các cơ sở đào tạo tại từng thời điểm cụ thể.

Để chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và đào tạo đại học nói riêng thành công, cần có nhiều yếu tố, yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học phải vượt qua, từ cơ sở hạ tầng kỹ thuật đến yếu tố nhân lực. Mức độ chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học được đánh giá theo từng nhóm tiêu chí thành phần, thang điểm 100, gồm 03 mức độ: Mức chưa đáp ứng, Mức đáp ứng cơ bản và Mức đáp ứng tốt [1]. Dù các cơ sở giáo dục đại học đã và đang tự đánh giá chuyển đổi số đạt ở mức độ nào nhưng có thể nói việc chuyển đổi số trong giáo dục đại học đã

giúp người học tiếp cận thông tin, kiến thức dễ dàng, rút ngắn về khoảng cách, thu hẹp về không gian và thời gian, đồng thời giảm chi phí đào tạo và xã hội, nhất là trong bối cảnh các trường buộc phải triển khai giảng dạy và học trực tuyến hoàn toàn để ứng phó dịch bệnh Covid-19 như thời gian qua.

Tuy nhiên, từ cách tiếp cận chuyên môn, chuyển đổi số trong đào tạo đại học còn gặp phải không ít khó khăn cần giải quyết như chi phí đầu tư vào công nghệ, việc cân bằng giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến; một bộ phận không nhỏ người dạy và người học chưa có thói quen, thiếu kỹ năng, thiết bị để thực hiện các yêu cầu chuyển đổi số ở mức độ cao... Đặc biệt, việc áp dụng chuyển đổi số trong giáo dục đại học của một số môn học đặc thù rất khó thực hiện hoặc không hiệu quả trở thành vấn đề cần được quan tâm nhằm đảm bảo chất lượng khi dạy - học trực tuyến. Trong khuôn khổ bài viết này, bằng việc sử dụng các kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu về thực trạng dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Hà Tĩnh, đề cập đến những lợi ích và khó khăn, hạn chế khi áp dụng chuyển đổi số đối với các môn học đặc thù, từ đó đưa ra những kết luận mang tính thực tiễn, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong thời gian tới.

2. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

2.1. Chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Tại Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ quyết định lấy ngày 10

Tác giả liên hệ: ThS. Nguyễn Thu Hiền

Email: hien.nguyenthuthu@htu.edu.vn

tháng 10 hằng năm là Ngày Chuyển đổi số quốc gia [2]. Năm 2022 là năm đầu tiên tổ chức các hoạt động nhân Ngày Chuyển đổi số quốc gia với chủ đề “Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân”. Với nhiều cách tiếp cận khác nhau đã có nhiều định nghĩa và cách giải thích về khái niệm “chuyển đổi số”, theo “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ xác định như sau: Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa; 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20.0% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học [3]. Hiểu một cách đơn giản thì chuyển đổi số trong giáo dục chính là việc ứng dụng những công nghệ tiên tiến giúp nâng cao trải nghiệm của người học; cải thiện những phương pháp giảng dạy cũng như tạo môi trường để học tập thuận tiện nhất. Như vậy, có thể hiểu rằng: Quá trình chuyển đổi số là chuyển các hoạt động từ thế giới thực sang thế giới ảo trên không gian mạng hay nói cách khác, chuyển đổi số trong giáo dục chính là việc ứng dụng những công nghệ tiên tiến giúp nâng cao trải nghiệm của người học; cải thiện những phương pháp giảng dạy cũng như tạo môi trường để học tập thuận tiện nhất.

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học gồm có hai nội dung chính: chuyển đổi số trong công tác quản trị cơ sở giáo dục đại học và Chuyển đổi số trong đào tạo. Trong đó chuyển đổi số trong đào tạo, xét về thực chất, là quá trình chuyển đổi các hoạt động đào tạo từ trực tiếp sang trực tuyến. Theo Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học, nội dung chuyển đổi số trong đào tạo có 100 điểm tối đa với 8 tiêu chí. Các tiêu chí này đều thể hiện yêu cầu chuyển đổi các hoạt động đào tạo gồm: kế hoạch, quy chế, phần mềm, số lượng các khóa đào tạo trực tuyến, thư viện điện tử, khảo thí, nguồn nhân lực, hệ thống hỗ trợ... từ trực tiếp sang trực tuyến [1].

2.2. Tính chất của một số môn học đặc thù trong đào tạo đại học

Với mục tiêu đào tạo đáp ứng với nhu cầu xã hội, hiện nay các trường đại học nói chung đều triển khai thực hiện theo định hướng đào tạo đa ngành, đa nghề, chú trọng các ngành đào tạo có nhu cầu xã hội lớn, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học, giáo dục đại học có thể chia ra các lĩnh vực đào tạo gồm: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, Nghệ thuật, Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Pháp luật, Khoa học sự sống, Khoa học tự nhiên, Toán và thống kê, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Kiến trúc và xây dựng, Nông lâm nghiệp và thủy sản, Thú y, Sức khỏe, Dịch vụ xã hội, Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân, Dịch vụ vận tải, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh, quốc phòng [4]. Trong mỗi lĩnh vực đào tạo có các nhóm ngành và ngành đào tạo đa dạng, đặc biệt những môn học/học phần trong từng ngành đào tạo có những yêu cầu về giờ lý thuyết, giờ thực hành/thảo luận/bài tập nhóm... khác nhau, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của mỗi ngành học. Đặc biệt, có những ngành nghề đặc thù là những ngành nghề có tính riêng biệt, có tính chất công việc đòi hỏi nhiều kỹ năng chuyên môn mà ít người có thể đáp ứng được. Để làm được những ngành nghề này, đa số người lao động sẽ phải trải qua quá trình đào tạo lâu dài, có khả năng chịu được áp lực công việc cũng như thể chất phải đáp ứng được những đòi hỏi của công việc. Để đáp ứng yêu cầu chung, trong số các học phần của mỗi chương trình đào tạo đại học, nhất là ở những ngành đào tạo đặc thù luôn có những môn học đặc thù riêng, có thể đó là môn học chú trọng về phương pháp nghiên cứu, có thể là môn học chú trọng đến tính thực hành nhiều hơn so với những môn học nặng lý thuyết. Ví dụ như trong số các môn đại cương/môn chung ở đại học thì đặc trưng của môn Giáo dục thể chất là một loại hình giáo dục mà nội dung chuyên biệt là dạy học vận động (động tác) và sự phát triển có chủ định các tố chất vận động của con người. Các giai đoạn dạy học động tác nhằm hình thành ở người học kỹ năng vận động, khả năng vận dụng vào thực tế. Hoặc, trong ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học cần chú trọng đến kỹ năng sư phạm đối với bậc học Mầm non, Tiểu học như yêu cầu của giáo viên mầm

non là cần có đầy đủ kỹ năng nghiệp vụ trong nuôi dạy trẻ mầm non, ngoài những bằng cấp liên quan đến chuyên ngành, đa số các giáo viên mầm non thường có nhiều tài lẻ như biết chuẩn bị đồ dùng, giáo cụ cho trẻ, biết múa hát, biên đạo múa và có cách ứng xử giao tiếp khéo léo, hiểu tâm lý của trẻ em; Yêu cầu của giáo viên Tiểu học ngoài kiến thức cần tăng cường kỹ năng chuẩn bị giảng dạy, kỹ năng giảng dạy và các kỹ năng ngoài giờ lên lớp. Vì vậy, để đảm bảo các chương trình đào tạo sư phạm thực hiện tốt các yêu cầu này, các chương trình đào tạo có các học phần chuyên ngành đặc thù như Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh, Thực tập sư phạm 1, Thực tập sư phạm 2, Phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học, ...

Việc giảng dạy trực tuyến đối với một số môn học đặc thù trong giáo dục đại học nói chung và trong thời kỳ chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan như dịch Covid-19 nói riêng có tính hai mặt, vừa có thuận lợi vừa gặp khó khăn nhất định, trở thành vấn đề cần được các nhà nghiên cứu giáo dục quan tâm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết này dựa trên kết quả cuộc khảo sát xã hội học, áp dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng với đối tượng là người học - sinh viên của Trường Đại học Hà Tĩnh để đưa ra những đánh giá khách quan về lợi ích và hạn chế khi áp dụng hình thức giảng dạy trực tuyến đối với một số

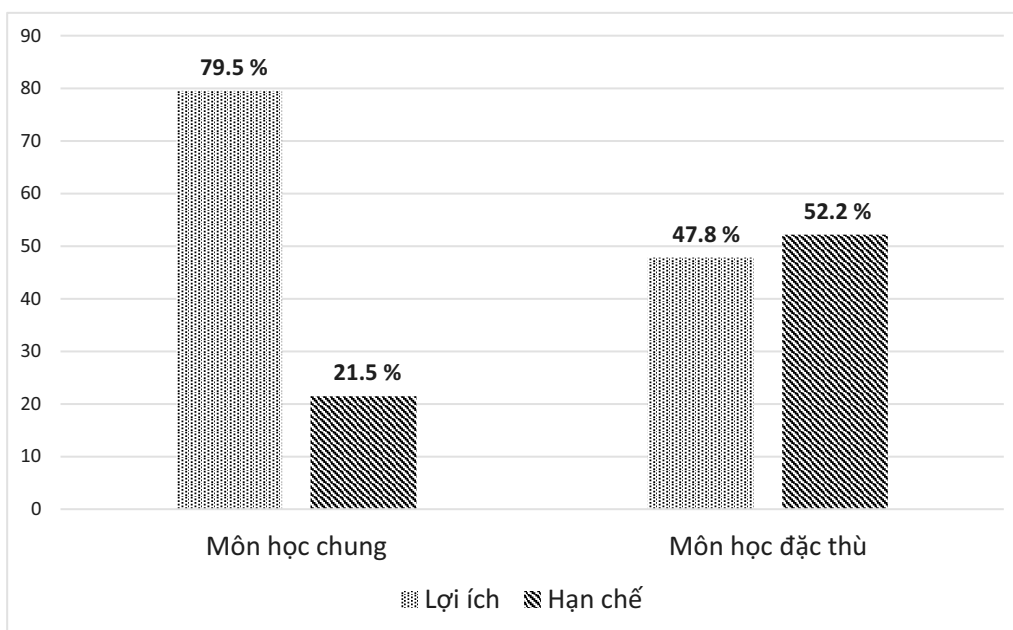
môn học đặc thù. Đặc biệt, từ khi việc thực hiện đào tạo trực tuyến trở nên phổ biến để đảm bảo công tác thích ứng với ảnh hưởng của dịch Covid-19 cho đến khi yêu cầu về chuyển đổi số trong giáo dục đại học trở nên cấp thiết thì việc đánh giá về thực trạng dạy học trực tuyến đối với một số môn học đặc thù càng cần được quan tâm để đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

4.1. Lợi ích khi áp dụng giảng dạy trực tuyến đối với một số môn học đặc thù trong đào tạo đại học hiện nay

Với kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu về việc đánh giá lợi ích và hạn chế khi áp dụng thực hiện giảng dạy trực tuyến đối với một số môn học đặc thù, so sánh với các môn học chung của cùng ngành đào tạo tại Trường Đại học Hà Tĩnh, đặc biệt trong thời gian chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 đến nay thì có những kết quả đánh giá đáng lưu ý.

Trong số 359 ý kiến khảo sát, có đến 283 người được hỏi đồng ý về lợi ích giảng dạy trực tuyến đối với các môn học chung nhưng chỉ có 170 người được hỏi có cùng quan điểm này đối với lợi ích của các môn học đặc thù. Tương ứng, có đến 189 người được hỏi đánh giá các môn học đặc thù sẽ gặp những hạn chế nhất định, tỷ lệ này cao hơn so với 76 người cùng quan điểm đánh giá hạn chế trong quá trình dạy học trực tuyến đối với các môn học chung.



Hình 1. Đánh giá lợi ích và hạn chế khi áp dụng giảng dạy trực tuyến đối với các môn học trong đào tạo đại học

Bàn về những lợi ích và những hạn chế khi thực hiện giảng dạy trực tuyến đối với những môn học đặc thù, thông tin từ khảo sát định tính cũng cho thấy khó khăn/hạn chế nhiều hơn so với những thuận lợi/lợi ích mang lại.

“Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, để đảm bảo công tác phòng chống dịch và tiến độ học của các học phần thì chúng em thực hiện chủ yếu bằng hình thức trực tuyến trong các học phần của kỳ này. Sau quá trình học thì kỹ năng về sử dụng công nghệ máy tính của em có tốt hơn lên nhưng xét về chất lượng học thì em vẫn thích học trực tiếp hơn, nhất là các môn nặng về phương pháp nghiên cứu, do ngành em học là ngành Sư phạm, nếu chỉ nghe giảng lý thuyết, thiếu tương tác, thực hành với các tình huống sư phạm thì không thể rèn được kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện sau khi ra trường được.” (PVS Số 1, Nữ, SV năm 3, ngành Giáo dục Mầm non).

Trước hết, bàn về những lợi ích của việc áp dụng giảng dạy trực tuyến đối với các môn học đặc thù thì có thể nói đó cũng là lợi ích chung của các môn học khác được áp dụng, cụ thể:

- Thứ nhất, việc ứng dụng công nghệ trong phương thức giảng dạy và học trực tuyến mang đến cơ hội học tập linh động cho người học và truy cập tài liệu học tập không giới hạn. Điều này đã mở ra một nền giáo dục mở hoàn toàn mới. Bất cứ thời điểm nào, ở bất cứ đâu, bất cứ ai cũng đều có thể tiếp cận được các thông tin kiến thức một cách đa chiều nhất. Nó loại bỏ hoàn toàn những giới hạn về khoảng cách, tối ưu thời gian học và nâng cao nhận thức, tư duy của người học. Người học có thể truy cập vào các tài nguyên học tập một cách dễ dàng và ít tốn kém hơn, việc số hóa học liệu giúp người học có thể khai thác một cách nhanh chóng bằng các thiết bị trực tuyến mà không bị giới hạn bởi năng lực tài chính. Về nội dung lý thuyết, các khái niệm chuyên ngành, các bài tập tình huống thì bên cạnh giáo trình, người học có thể dễ dàng tìm kiếm dựa trên các công cụ hỗ trợ trực tuyến như Google, Wikipedia, Chat GPT... Người dạy cũng có thể dễ dàng chia sẻ học liệu với người học trên các nền tảng trực tuyến mà không phải tốn thời gian in ấn cũng như gặp gỡ để trao đổi trực tiếp. Ngoài ra với việc lưu trữ thông tin trên môi trường Internet sẽ giúp người học giảm thiểu chi phí cho việc mua sắm các học liệu cần thiết.
- Thứ hai, việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đại học sẽ tăng tính tương tác và trải nghiệm thực tế. Phương pháp học mới này lại giúp gia

tăng tính tương tác hai chiều, do người học có thể nói chuyện với giáo viên, giảng viên hướng dẫn mà không bị giới hạn bởi không gian. Dạy học trực tuyến cũng là môi trường thuận lợi để giáo viên, giảng viên có thể ứng dụng những công cụ công nghệ thông tin mới nhằm sinh động hóa tiết dạy. Bên cạnh đó, công nghệ mới giúp người học có những trải nghiệm đa giác quan, tạo cảm hứng thú hơn khi học, có những phần mềm hỗ trợ trong giảng dạy trực tuyến như Quizizz, Table... tạo cơ hội cho giảng viên và sinh viên có môi trường học tập dù ảo nhưng vẫn rất hiệu quả như khi học trực tiếp. Chẳng hạn, với những học phần đặc thù có giờ thảo luận nhóm/thuyết trình nhiều thì việc áp dụng các phần mềm này đạt hiệu quả rất tốt, thậm chí người học vừa dễ dàng khám phá công cụ trực tuyến mới vừa đảm bảo tính tương tác trong giờ học để hiểu nội dung bài học hơn. Thậm chí, việc tổ chức trò chơi/giao lưu thi đua giữa các nhóm trong giờ học cũng dễ dàng cho giảng viên trong quản lý lớp học trực tuyến.

- Thứ ba, việc chuyển đổi số ngành giáo dục đã tạo ra cho người dạy và người học được trao quyền để sử dụng công nghệ, giảm chi phí đào tạo, tiết kiệm thời gian. Trong công tác quản lý giáo dục, hệ thống trực tuyến sẽ giúp người dạy lưu trữ thông tin của người học một cách khoa học, thuận tiện trong quá trình truy xuất dữ liệu. Việc lựa chọn các khóa học trực tuyến phù hợp với điều kiện kinh tế của bản thân cũng là cách thức người học có thể giảm chi phí học tập. Giảng viên có thể ghi lại từng buổi dạy nên việc sinh viên tương tác, phát biểu ý kiến/thảo luận sẽ có căn cứ để chấm điểm, đảm bảo công bằng giữa các sinh viên. Chẳng hạn, với học phần Giáo dục thể chất là học phần thực hành nhiều, khi giáo viên hướng dẫn và sinh viên thực hành theo từng động tác thì có thể lưu lại từng bài giảng để chia sẻ lại cho sinh viên tự ôn, tự học thêm sau giờ học chính khóa. Hoặc ở những học phần cần nhiều thao tác kỹ thuật như ngành Công nghệ thông tin, ngành Kinh tế thì việc sinh viên có thể xem lại bài giảng của giảng viên để hiểu bài hơn cũng là lợi thế so với việc bài giảng trực tiếp nếu như trường hợp sinh viên không kịp ghi lại bài học.

Năm học 2020-2021, đa số các trường đại học đều chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc áp dụng hình thức đào tạo trực tuyến được áp dụng phổ biến, linh hoạt nhằm thích ứng với diễn biến của dịch bệnh. Từ kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy trong thời gian này tại Trường Đại học Hà Tĩnh cho thấy được

lợi ích chung của việc áp dụng giảng dạy trực tuyến đối với các môn học về thái độ, tác phong sư phạm;

nội dung giảng dạy; tổ chức hoạt động dạy - học và kiểm tra, đánh giá bằng hình thức trực tuyến.

Bảng 1. Tổng hợp kết quả phản hồi của sinh viên về việc áp dụng đào tạo trực tuyến của các học phần học kỳ 1, năm học 2020-2021

Chỉ tiêu đánh giá	Thái độ, tác phong sư phạm (Điểm)	Nội dung giảng dạy (Điểm)	Tổ chức hoạt động dạy - học (Điểm)	Kiểm tra, đánh giá (Điểm)
Bộ môn Giáo dục thể chất	3.96	3.95	3.95	3.95
Bộ môn Tâm lý giáo dục	3.99	3.99	3.99	3.99
Khoa Nông nghiệp và môi trường	3.96	3.98	3.98	3.99
Khoa Kinh tế - QTKD	3.92	3.91	3.91	3.91
Khoa Kỹ thuật - công nghệ	3.82	3.81	3.82	3.83
Khoa Chính trị - Luật	3.86	3.84	3.86	3.86
Khoa Ngoại ngữ	3.94	3.93	3.92	3.92
Khoa Sư phạm	3.98	3.98	3.99	3.99
Khoa Tiếng Việt	3.96	3.98	3.97	3.97

Mức độ chênh lệch từ phía đánh giá của người học phân chia theo từng Khoa/Bộ môn không có sự chênh lệch nhiều, giá trị trung bình đều đạt ở mức "Tốt". Riêng Khoa Sư phạm và Bộ môn Tâm lý Giáo dục được sinh viên đánh giá hiệu quả áp dụng giảng dạy trực tuyến ở mức Tốt nhất, đồng đều nhất ở các tiêu chí.

4.2. Hạn chế đối với một số môn học đặc thù khi thực hiện giảng dạy trực tuyến trong đào tạo đại học hiện nay

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích kể trên thì đối với các môn học đặc thù trong đào tạo đại học còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế nhất định, nhất là khi áp dụng hình thức giảng dạy trực tuyến.

- Thứ nhất, với các môn học đặc thù nặng về lý thuyết, mang tính hàn lâm thì mặc dù người học có thể tìm kiếm các khái niệm từ nhiều nguồn khác nhau nhưng trong quá trình học trực tuyến việc hạn chế trong tương tác giữa giảng viên và sinh viên phần nào hạn chế đến việc làm rõ các khái niệm/lý thuyết này. Nếu học tập trực tiếp, giảng viên có thể trao đổi, so sánh, tương tác với nhiều ý kiến của người học hơn so với giảng dạy trực tuyến thì việc thao tác hóa khái niệm hoặc vận dụng lý thuyết chuyên ngành sẽ đạt được hiệu quả cao hơn. Ví dụ như học phần Xã hội học đại cương là một học phần có nhiều nội dung lý thuyết chuyên ngành nhằm áp dụng, luận giải về các vấn đề xã hội, thì học trực tuyến chỉ hiệu quả đối với những sinh viên có độ tập trung cao vì đa phần các lý thuyết này khá trừu tượng, việc hiểu và áp dụng là cả một quá trình tư duy, phản biện

nên dạy học trực tuyến làm cho giảng viên hạn chế trong việc tương tác, khơi gợi người học phát triển khả năng của mình.

- Thứ hai, đối với các môn học đặc thù nặng về tính thực hành, rèn luyện kỹ năng thì thời gian giảng viên yêu cầu người học thực hiện các thao tác, trình tự hoặc xử lý các tình huống ngẫu nhiên một cách hiệu quả càng được yêu cầu cao hơn. Chẳng hạn như môn học Giáo dục thể chất ở đại học, đây là môn học chủ yếu là thực hiện trực tiếp, học ở những phòng tập chuyên dụng riêng phù hợp từng loại hình giáo dục thể chất khác nhau, nhưng ở những hoàn cảnh học tập trực tuyến thì từ việc giảng viên làm mẫu các động tác, sinh viên thực hiện theo cho đến việc giáo viên muốn điều chỉnh, uốn nắn các động tác cho người học thực tế rất khó. Chưa kể kỹ thuật, kỹ năng, năng khiếu luyện tập của từng sinh viên là khác nhau, nếu không tương tác trực tiếp thì những sinh viên yếu kém hơn sẽ gặp khó khăn khi hoàn thành bài thi cuối kỳ.

Hoặc, ở môn học của khối ngành sư phạm, có các môn học thực tập sư phạm 1, thực tập sư phạm 2 với các yêu cầu cao về kiến thức, kỹ năng, công tác chủ nhiệm lớp, công tác đội - sao, dự giờ thăm lớp... thì khi người học bắt buộc thực hiện bằng hình thức trực tuyến sẽ rất hạn chế trong hiệu quả đạt được. Với sinh viên thực tập ngành Giáo dục Mầm non sẽ khó nắm bắt tâm lý của trẻ ở các độ tuổi; khó làm quen, dỗ dành trẻ nếu trẻ rụt rè, e ngại, khóc nhè; khó tương tác với trẻ trong các hoạt động ngoại khóa hoặc tổ chức các trò chơi như dạy học trực tiếp. Với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu

học, sinh viên thực tập cũng sẽ được tham gia giảng dạy trực tuyến các môn học nhưng ngoài các khó khăn trên còn gặp khó khăn hơn trong việc xử lý các tình huống sư phạm mà nếu như giảng dạy trực tiếp thì phản ứng của người dạy sẽ thuận lợi, trôi chảy hơn khi tương tác với học sinh.

- Thứ ba, hiện nay, bên cạnh các công cụ hỗ trợ giảng dạy trực tuyến phổ biến thì có thách thức lớn trong thời kỳ chuyển đổi số chính là sự phát triển của phần mềm Chat GPT - công nghệ trí tuệ nhân tạo mới với nhiều hữu ích, tiện lợi trong giáo dục và có nhiều lý do để sử dụng như: nâng cao khả năng tìm kiếm và nghiên cứu, tăng cường tính tương tác và trải nghiệm học tập, cải thiện khả năng đánh giá và phân tích... Tuy nhiên, khi sử dụng Chat GPT, nếu quá lạm dụng, sinh viên có khả năng sẽ bị điểm thấp vì phần mềm này vẫn mắc nhiều lỗi và có nhiều câu trả lời không chính xác. Các bài luận được viết với ChatGPT giống như bài tổng hợp theo thời gian hơn là bài viết có tính tư duy phân biệt. Nếu sinh viên dựa quá nhiều vào ChatGPT để tìm kiếm thông tin và giải quyết các vấn đề, họ có thể trở nên thiếu tính sáng tạo, mất đi khả năng tự tìm kiếm và giải quyết vấn đề. Với các môn học đặc thù thì việc xử lý các tình huống thực tế giúp cho người học có thể ứng xử linh hoạt, đưa ra cách

giải quyết tốt nhất nhưng khi học tập trực tuyến, ứng dụng các phần mềm này thì có thể gây ra những tình huống “dở khóc dở cười”. Chẳng hạn, khi đặt câu hỏi tình huống cho ChatGPT “*Con hư thì bố mẹ nên làm gì?*” ChatGPT đã trả lời: *Nếu con hư thì bố mẹ cần thực hiện các bước sau: “1. Tìm hiểu nguyên nhân sự hư hỏng; 2. Xác định mức độ nghiêm trọng của sự hư hỏng; 3. Tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nhà sản xuất hoặc chuyên gia hỗ trợ; 4. Quyết định sửa chữa hoặc thay thế nếu cần thiết”*. Qua các câu trả lời trên đây, chúng ta thấy rằng việc phân tích ngôn ngữ của ChatGPT để đưa ra giải pháp cho tình huống trên chưa thực sự chuẩn mực: ChatGPT chưa phân biệt được khái niệm sự hư hỏng của con người mà cụ thể ở đây là đưa con với sự hư hỏng của đồ vật hay may mắn. Vì vậy, đối với các môn học đặc thù cần kiến thức thực tiễn cao thì ngoài kiến thức của ngành học còn cần cả sự thấu cảm, lắng nghe, quan sát mới có thể giải quyết được các tình huống ở mức tối đa.

- Thứ tư, dựa trên kết quả đánh giá cuối học kỳ của người học để xét về mức độ đáp ứng trong đào tạo trực tuyến đối với một số môn học đặc thù, có thể thấy có những mức đánh giá khác nhau, thậm chí là ở mức “chưa đáp ứng” với tỷ lệ khá cao.

Bảng 2. Kết quả đánh giá của người học về mức độ đáp ứng trong đào tạo trực tuyến đối với một số môn học đặc thù

Ngành học	Môn học	Chưa đáp ứng (%)	Đáp ứng cơ bản (%)	Đáp ứng tốt (%)
Môn chung	Giáo dục thể chất	52.7	32.1	15.2
Giáo dục Tiểu học	Phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ TT trong giáo dục Tiểu học	34.9	42.5	22.6
Ngôn ngữ Anh	Luyện âm	25.7	38.8	35.5
Ngôn ngữ Trung Quốc	Kỹ năng Nghe - Nói	31.6	39.1	29.3
Các ngành Sư phạm	Thực tập sư phạm	46.8	30.9	22.3

Với các môn học đặc thù của từng ngành học thì mức độ đáp ứng khi áp dụng đào tạo trực tuyến đa số đều có tỷ lệ “chưa đáp ứng” hoặc “đáp ứng cơ bản” còn có tỷ lệ khá cao, đặc biệt như học phần Giáo dục thể chất có đến 52.7% ý kiến khảo sát đánh giá “chưa đáp ứng”; có đến 46.8% ý kiến khảo sát cùng mức đánh giá này ở học phần Thực tập sư phạm.

“Dù dịch Covid-19 nhưng học phần Thực tập sư phạm chúng em vẫn đi thực tập nhưng có những

tiết giảng chúng em chỉ được thực hành bằng giảng dạy trực tuyến, ít gặp học sinh, hạn chế tiếp xúc nên rất khó để tương tác được hiệu quả như khi thực tập trực tiếp. Có nhiều nội dung lý thuyết đã được học nhưng em khó có thể rèn luyện các kỹ năng sư phạm, xử lý các tình huống sư phạm xảy ra để có cơ hội được trưởng thành hơn sau thời gian thực tập. Nếu được em muốn kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp sẽ thực tập hiệu quả hơn.” (PVS Số 3, Nữ, sinh viên năm 4, ngành Giáo dục Tiểu học).

Các môn học đặc thù cơ bản đều là những môn học mang tính thực hành cao, ngoài kiến thức thì yêu cầu về kỹ năng còn nhiều hơn so với các môn học khác để đảm bảo đạt chuẩn đầu ra nên khi áp dụng giảng dạy trực tuyến sẽ phần nào hạn chế khả năng tương tác giữa người dạy và người học, hạn chế khả năng truyền tải của giảng viên, mức độ tiếp thu bài học của sinh viên, vì vậy tỷ lệ cao đánh giá ở mức “chưa đáp ứng” là điều dễ hiểu.

4.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả dạy - học bằng hình thức trực tuyến đối với các môn học đặc thù ở đại học

Từ thực trạng hoạt động dạy - học trực tuyến của một số môn học đặc thù ở đại học trình bày phần trên cho thấy nguyên nhân của những hạn chế không hoàn toàn do “đặc điểm riêng của môn đặc thù” hay do “những đặc trưng của dạy - học trực tuyến” mà còn do Nhà trường chưa đủ điều kiện chuẩn bị cho việc tổ chức dạy trực tuyến. Chẳng hạn như trong chương trình đào tạo, số giờ tự học của từng tín chỉ đã được quy định cụ thể nhưng việc yêu cầu/kiểm tra quá trình sinh viên tự học, tự nắm bắt để theo kịp tiến trình dạy trực tuyến còn khó khăn hơn so với khi giảng dạy trực tiếp hoặc một số sinh viên vẫn còn chưa được rèn luyện ý thức tự học trước và sau buổi học trực tuyến nên ảnh hưởng hiệu quả lên lớp của thầy và trò. Giảng viên giảng dạy môn học đặc thù vẫn còn chưa soạn bài giảng theo tiếp cận đúng chuẩn yêu cầu học trực tuyến, chưa thực hiện mô hình B-learning (học kết hợp cân đối vừa trực tiếp vừa trực tuyến) để đạt hiệu quả tối đa, chưa kể đến kỹ năng biết sử dụng lợi thế của các phần mềm trực tuyến khi giảng dạy của một số giảng viên vẫn còn yếu...

Vì vậy, để phát huy lợi ích, khắc phục những hạn chế trong giảng dạy trực tuyến đối với môn học đặc thù ở đại học hiện nay, một số giải pháp cần được triển khai thực hiện như sau:

- Một là, giảng viên có thể thiết lập các hình thức diễn đàn trao đổi học tập trực tuyến (về môn học/học phần, về nhu cầu/mong muốn của người học, về những khó khăn của sinh viên trong cách học trực tuyến ở môn học đặc thù...) để cùng chia sẻ, đưa ra cách dạy-học phù hợp nhất. Chú trọng khâu tăng tương tác giữa giảng viên và sinh viên, tương tác giữa sinh viên và sinh viên, tương tác của sinh viên với nội dung bài giảng để tăng sự gắn kết, hướng đến đạt hiệu quả tối ưu trong giảng dạy không chỉ trong giờ học mà còn cả ngoài giờ học chính khóa.

- Hai là, bài giảng online của các môn học đặc thù cần được xây dựng lại, chuẩn bị những nội dung, vấn đề trọng tâm “mang tính thời sự”, cập nhật mà sinh viên thực sự quan tâm. Cần giảm bớt thời lượng cho những nội dung khái quát, tổng quan hoặc đưa vào nội dung tự học, tăng thời gian nhiều hơn cho các vấn đề cụ thể, thực tiễn.

- Ba là, tùy vào yêu cầu, tính chất từng môn học đặc thù, giảng viên có thể kết hợp các phương pháp giảng dạy trực tuyến và trực tiếp như: phương pháp diễn giảng, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp công não, phương pháp sơ đồ tư duy, phương pháp nghiên cứu tình huống... Tỷ lệ giờ học kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp được cân đối giữa giờ lý thuyết với giờ thực hành/thảo luận. Phương pháp kiểm tra đánh giá cũng cần linh hoạt, có thể làm bài trắc nghiệm lý thuyết hoặc thi vấn đáp online hoặc thuyết trình/xử lý tình huống...

- Bốn là, việc giảng dạy và học tập online trên các nền tảng E-learning hay Zoom, Ms. Teams, Google Meets.... cần được kết hợp với các công cụ/ứng dụng khác như Quizzi, Padlet... nhằm tăng cường kỹ năng, tạo hứng thú cho người học. Giảng viên cũng có thể chủ động để điều hành lớp học ngay cả khi áp dụng hình thức trực tuyến, khi mà đã chú trọng đầu tư từ nội dung đến phương pháp, công cụ giảng dạy.

- Năm là, sinh viên cần nâng cao ý thức chủ động, tinh thần tự học, nhất là trong điều kiện học trực tuyến, tự tạo cho bản thân động lực và hứng thú học tập. Sinh viên tích cực tương tác với sinh viên bằng các câu hỏi, phản biện vấn đề, tham gia diễn đàn trao đổi ý kiến với giảng viên. Học online, sinh viên phát huy kỹ năng về công nghệ thông tin, xác định việc tiếp thu bài giảng trực tuyến cũng quan trọng không kém so với việc học trực tiếp, mạnh dạn tham gia đánh giá mức độ hài lòng đối với giảng viên, với môn học đặc thù sau mỗi học kỳ.

Có thể nói không có một giải pháp chung nào cho tất cả các trường đại học hay các giảng viên/sinh viên áp dụng khi dạy - học trực tuyến đối với các môn học đặc thù, nhưng những giải pháp trên đây có thể áp dụng để nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy trực tuyến, chỉ cần người dạy và người học có thái độ cầu tiến, cùng chung mục đích hướng đến tính hiệu quả trong dạy học thì nhất định sẽ đạt được kết quả tốt nhất.

5. KẾT LUẬN

Trong thời kỳ chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19

nói riêng và thực hiện yêu cầu chuyển đổi số nói chung, chúng ta chứng kiến sự thay đổi rất lớn trong giáo dục đại học với việc chuyển từ học tập trực tiếp sang học tập trực tuyến. Chuyển đổi số trong giáo dục thực sự đã trở thành chìa khóa hữu hiệu để các trường thực hiện mục tiêu giáo dục quốc gia phù hợp hoàn cảnh mới, trở thành yêu cầu cấp thiết nên đối với các đơn vị chuyên môn cần phải quan tâm hơn nữa việc giải quyết những thách thức đặt ra về hành lang pháp lý, bảo đảm an toàn an ninh mạng và chất lượng giảng dạy... Việc áp dụng hình thức giảng dạy trực tuyến ở một số môn học đặc thù của từng ngành đào tạo vẫn có thể triển khai thực hiện khi có những yêu cầu

khách quan (do dịch bệnh, do yêu cầu về hình thức đào tạo phù hợp với từng đối tượng người học...) nhưng cần có sự linh hoạt, chủ động kết hợp, cân đối tỷ lệ hợp lý giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến để đảm bảo chất lượng đào tạo, đặc biệt là trong việc hướng dẫn về kỹ năng nghề và thực hiện kiểm tra, đánh giá môn học được chính xác, công bằng. Các nhà quản lý cần xây dựng, cân đối tỷ lệ áp dụng hình thức đào tạo trực tuyến và trực tiếp giữa các môn học chung và môn học chuyên ngành, giữa các môn học đặc thù chú trọng tính lý thuyết và môn học chú trọng tính thực hành để vừa đảm bảo kế hoạch năm học vừa nâng cao chất lượng đào tạo đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022, Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học*, 2022.

[2] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022, Quyết định về Ngày Chuyển đổi số quốc gia*, 2022.

[3] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020, Chương trình “Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*, 2020.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022, Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học*, 2022.

The effectiveness of online teaching and learning of some specific subjects at university level

Nguyen Thu Hien

ABSTRACT

Digital transformation in higher education includes two main contents: Digital transformation in the management of higher education institutions and digital transformation in training. Digital transformation in training, in essence, is the process of converting training activities from face-to-face to online. For digital transformation in higher education to be successful, there are many factors that require higher education institutions to overcome, from technical infrastructure to human factors. In addition, from the professional approach, digital transformation in higher education still faces many difficulties to be solved, that is, some subjects are very difficult to implement, or ineffective/quality assured when applying for higher education. teach - learn online. Using qualitative and quantitative research results, this article discusses the effectiveness of online teaching and learning for some particularly hostile subjects at university.

Keywords: *Digital transformation of university training, teaching - learning online, subjects, specific*

Received: 18/05/2023

Revised: 20/06/2023

Accepted for publication: 20/06/2023